TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST Ngày: 22-3-2024 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Bích N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-9-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh L quen biết, có tình cảm và tự nguyện đi đến hôn nhân, chị và anh L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 14-6-2018 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thị xã (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh L hay chửi bới, đánh đập nhưng chị vẫn bỏ qua, tuy nhiên anh L vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung. Nay chị xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Bùi Cao Bảo Y, sinh ngày 24-6-2018. Vợ chồng ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Thanh L trình bày: Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hoà giải, bị đơn thống nhất lời khai với nguyên đơn về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn vui vẻ, hạnh phúc. Đến tháng 07-2023, anh và chị N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì lý do anh nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, anh đã đuổi chị N ra khỏi nhà từ tháng 7-2023 cho đến nay. Anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung như nguyên đơn trình bày, vợ chồng ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có ý kiến kèm theo đơn xét xử vắng mặt về việc đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Bích N. Về con chung: Bị đơn đồng ý giao con chung là Bùi Cao Bảo Y, sinh ngày 24-6-2018 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Bích N về ly hôn, tranh chấp nuôi con; về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Thị Bích N xin ly hôn với anh Bùi Thanh L và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Anh L đang cư trú tại tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N xin ly hôn với anh L, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì hôn nhân của chị Cao Thị Bích N và anh Bùi Thanh L là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến cãi vã. Nay chị N và anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị N, anh L đều thống nhất ly hôn, tuy nhiên cả chị N và anh L đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh L là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là cháu Bùi Cao Bảo Y, sinh ngày 24-6-2018. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y đến khi đủ 18 tuổi. Anh L đồng ý giao cháu Y cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao con chung Bùi Cao Bảo Y cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Bích N về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Bích N được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Bùi Cao Bảo Y, sinh ngày 24-6-2018 cho chị Cao Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bùi Cao Bảo Y đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Cao Thị Bích N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003817 ngày 29-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP Gia Nghĩa;
- UBND phường N, TP G, tỉnh Đắk Nông (đăng ký ngày 14-6-2018);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huế